

Số: 615/2022/QĐST-DS

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 13 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thảo

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hồ Văn Cẩm

Bà Trần Thị Ngọc Hương

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trúc Thương

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hà Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Căn cứ các Điều 212; Điều 213; Điều 235 và Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý: 136/2016/DSST ngày 20 tháng 4 năm 2016, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất*”;

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự, giữa:

Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị Ngọc A1**, sinh năm 1950;

Địa chỉ: Đường ADV, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn: Bà Võ Thị L, luật sư Văn phòng luật sư ML, Đoàn Luật sư Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà **Bùi Thị N1**, sinh năm 1943;

Hộ khẩu thường trú: đường ĐNC, phường W, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường LDC, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người đại diện theo ủy quyền của bà Ngán có bà **Huỳnh Thị Kim O**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: Đường ĐNC, phường W, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ **Ông Nguyễn Ngọc H1**, sinh năm 1947;

Địa chỉ: 17910 SW ≠ GR CA 91335 USA.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Ngọc H1 (Nguyen H1 Ngoc) là bà Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1950

Địa chỉ: Đường ADV, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo Giấy ủy quyền ngày 26/6/2014 do Tổng Lãnh sự quán nước CHXHCN Việt Nam tại Francisco chứng nhận)

2/ **Bà Huỳnh Kim S1**, sinh năm 1948

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố J, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ **Ông Đoàn Minh H2**, sinh năm 1970 và **ông Đoàn Minh H3**, sinh năm 2000.

Cùng địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

4/ **Bà Huỳnh Thị Kim O**, sinh năm 1965;

Hộ khẩu thường trú: Đường ĐNC, phường W, Quận Z, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

5/ **Bà Nguyễn Thị B**, sinh năm 1954

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố G, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

6/ **Bà Nguyễn Thị E**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Đường TL10, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

7/ **Bà Nguyễn Thị N2**, sinh năm 1955

Địa chỉ: Đường LHP, phường U, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: Bến ND, phường U, Quận I, Thành phố Hồ Chí Minh

8/ **Bà Nguyễn Thị S2**, sinh năm 1961

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố G, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

Địa chỉ tạm trú: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

9/ **Bà Nguyễn Thị B2**, sinh năm 1963

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh;

10/ **Bà Nguyễn Thị A2**, sinh năm 1965

Địa chỉ: Đường số Y, khu phố R, phường BTĐB, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ tạm trú: ấp K, phường BTĐ, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

11/ **Bà Nguyễn Thị Phụng L2**, sinh năm 1973

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

12/ **Ông Nguyễn Thanh N3**, sinh năm 1978

Địa chỉ: Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

I. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Xác định nhà đất tọa lạc tại Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh (số cũ tổ F, ấp V, xã TT, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh) thuộc thửa 65, tờ bản đồ 14 (theo tài liệu năm 2005) tương ứng một phần thửa 137, tờ bản đồ số 4 (theo tài liệu 02/CT-UB) Bộ địa chính xã TT, huyện BC nay thuộc phường TT, quận BT thuộc quyền sở hữu của bà Bùi Thị N1.

2. Buộc bà Bùi Thị N1 có trách nhiệm phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A1 số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng trong thời hạn từ ngày 13/5/2022 đến ngày 13/9/2022.

Nếu quá thời hạn trên mà bà Bùi Thị N1 không trả số tiền 1.500.000.000 (Một tỷ năm trăm triệu) đồng thì bà Nguyễn Thị Ngọc A1 có quyền yêu cầu bà Bùi Thị N1 cùng tất cả những người liên quan gồm: bà Huỳnh Thị Kim O, ông Đoàn Văn H2, ông Đoàn Minh H3 phải giao nhà đất tại Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh cho cơ quan thi hành án phát mãi nhà đất trên để thi hành án.

3. Bà Bùi Thị N1 được quyền liên hệ với các cơ quan nhà nước có thẩm quyền làm thủ tục sang tên quyền sở hữu nhà quyền sử dụng đất đối với nhà đất tại địa chỉ số Đường LDC, khu phố X, phường TT, quận BT, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kể từ ngày bà Nguyễn Thị Ngọc A1 có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền nêu trên, nếu bà N1 chưa thi hành khoản tiền nêu trên, thì hàng tháng bà N1 còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án, theo mức lãi suất được quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chậm thi hành.

4. Án phí giải quyết vụ án các bên đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật cụ thể:

Bà Bùi Thị N1 phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 28.500.000 đồng. Tuy nhiên, do bà N1 là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí. Theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 và Điều 13 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Bà N1 được miễn nộp tiền án phí.

- Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc A1 số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 6.250.000 theo Biên lai thu số AE/2011/02706 ngày 15 tháng 4 năm 2016 tại Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Các chi phí tố tụng khác các đương sự tự nguyện chịu, đã nộp xong không yêu cầu Tòa án giải quyết.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

IV. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014./.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục THADS TP.HCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thảo

